

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 19-02-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nguyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Tân
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng V

Địa chỉ trụ sở: Số 198 đường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Vũ Thùy L – Phó Trưởng phòng Giao dịch H – Chi nhánh Ngân hàng Gia Lai; địa chỉ: Số 56 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số: 02/UQ-NHNTGL ngày 01-10-2019).

Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph

Cùng địa chỉ: Số 75 đường N, Tổ 7, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng V do người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Vũ Thùy L trình bày:

Ngân hàng V thông qua Ngân hàng V chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch H đã ký kết với ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph Hợp đồng cho vay từng lần

ngắn hạn số: 926/18/CT/PGDHL ngày 10-9-2018 (Sau đây viết tắt là: Hợp đồng tín dụng số 926) với nội dung chính như sau:

- Số tiền cho vay: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).
- Mục đích vay vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh (mua xe ô tô để phục vụ kinh doanh).

- Thời gian vay vốn: 24 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay là ngày 12-9-2018; ngày đến hạn là ngày 10-9-2020.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất thông báo của Ngân hàng V chi nhánh Gia Lai và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng V chi nhánh Gia Lai theo từng thời kỳ. Theo Giấy nhận nợ ngày 12-9-2018, Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là: 130% Lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 0.00%/năm số dư lãi chậm trả.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph đã sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: 10/09A/NHNT ngày 10-9-2018 (Sau đây viết tắt là: Hợp đồng thế chấp số 10); tài sản là: Xe ô tô tải biển số: 81C-154... theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029351 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-9-2018, số khung RNHA500BKHC065..., số máy JT-733... . Nghĩa vụ được bảo đảm: Bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa khách hàng và Ngân hàng. Tài sản bảo đảm do khách hàng quản lý và sử dụng. Tài sản đã được đăng ký Biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và được Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản, tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận Văn bản Chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 12-9-2018.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông T và bà Ph đã trả được số tiền lãi là 24.959.999đồng. Từ ngày 26-8-2019, ông T và bà Ph không trả tiền lãi. Ngân hàng V đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng ông T và bà Ph đã đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới. Ngân hàng đã có Thông báo về việc chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn số: 01/TB ngày 11-9-2019 để thông báo cho ông T và bà Ph biết việc chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn. Tuy nhiên, ông T và bà Ph đã không thực hiện nghĩa vụ của mình nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc của ông T và bà Ph từ ngày 12-9-2019.

Hiện khoản vay này vẫn do Ngân hàng V chi nhánh Gia Lai quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Vì vậy, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho Ngân hàng V một lần toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là ngày 19-02-2020 tổng cộng số tiền là: 210.044.823đồng; trong đó: Nợ gốc là 200.000.000đồng và tiền nợ lãi là 10.044.823đồng và phải trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh từ

ngày 20-02-2020 theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

- Trong trường hợp ông T và bà Ph vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô tải biển số: 81C-154... của ông T và bà Ph đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn là ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Hợp đồng tín dụng được các đương sự ký kết giữa một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh với một bên là tổ chức tín dụng. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và tại điểm 11.2 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết thể hiện các bên lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh ngân hàng V là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Hợp đồng tín dụng số 926 được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Khoản vay của ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph hiện tại vẫn do Ngân hàng V chi nhánh Gia Lai quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng V có quyền khởi kiện đòi nợ đối với ông T và bà Ph.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi của hợp Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định ông T và bà Ph chưa thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh Hợp đồng tín dụng số 926 như nguyên đơn đã trình bày.

[3] Về lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là: 130% Lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 0.00%/năm số dư lãi chậm trả và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng V chi nhánh Gia Lai theo từng thời kỳ. Thỏa thuận về lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng V được chấp nhận.

[4] Do ông T và bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng và Ngân hàng không liên liên lạc được với ông T và bà Ph nên đã vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 10.1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 926. Vì vậy, theo quy định tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 926, Ngân hàng V có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc ông T và Ph phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 19-02-2020 là: 210.044.823 đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-02-2020) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T và bà Ph phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp số 10 được các bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; được công chứng đăng ký Biện pháp bảo đảm phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 298, Điều 319 Bộ luật dân sự. Do đó, Hợp đồng thế chấp số 10 có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp ông T và bà Ph không trả được nợ thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 280, Điều 298, Điều 319, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 19-02-2020 số tiền là: 210.044.823đ (Hai trăm mười triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng); trong đó: Số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 10.044.823đ (Mười triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày 20-02-2020, ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà **ông T và bà Ph** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản của ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: 10/09A/NHNT ngày 10-9-2018; tài sản là: Xe ô tô tải biển số: 81C-154... theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029... do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-9-2018, số khung RNHA500BKHC065..., số máy JT-733... .

3. Về án phí:

Ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 10.502.241đ (Mười triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng).

Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.095.605đ (Năm triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ năm đồng) theo biên lai số 0001990 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên

